

Bản án số: 02/2023/KDTM-PT
Ngày: 27 - 02 - 2023
V/v tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương.

Các Thẩm phán: Ông Võ Minh Tiến.

Bà Trịnh Thị Thu Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quảng Ninh, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Huỳnh Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLPT-KDTM, ngày 16 tháng 01 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2022/KDTM-ST ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2023/QĐ – PT ngày 31 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư Xây lắp T;

Địa chỉ trụ sở: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Sơn V, chức vụ: Giám đốc.

Ông Trần Sơn Vững ủy quyền cho ông Trần Sơn N, sinh năm 1985, chức vụ: Phó Giám đốc – Giấy ủy quyền số 10/2022/GUQ-TN.

2. Bị đơn: Tổng Công ty Bảo hiểm X

Địa chỉ trụ sở: Tầng X, X Tower, lô VP2 Y, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Anh Đ, chức vụ: Tổng giám đốc.

Ông Phạm Anh Đức ủy quyền cho:

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1989, chức vụ: Tổ trưởng Tổ giám định X Nam Trung Bộ - VPĐD CKSH Phía Nam - Tổng Công ty Bảo hiểm X.

- Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1978, chức vụ: Trưởng phòng QLNV & BT - Công ty X Nam Trung Bộ.

- Ông Phạm Văn T, sinh năm 1963, chức vụ: Phó phòng pháp chế Tổng Công ty Bảo hiểm X.

- Ông Nguyễn Cảnh C, chức vụ: Phó phòng GQKN XCG2-VPĐD CKSH Phía Nam - Tổng Công ty Bảo hiểm X.

Theo văn bản ủy quyền ngày 29/10/2021.

3. Người kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư Xây lắp T.

Tại phiên tòa: ông Trần Sơn N, ông Trần Văn T, ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị Phương L đều có mặt tại phiên tòa. Ông Nguyễn Cảnh C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/01/2020, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư Xây lắp T (sau đây viết tắt là Công ty T) có ký hợp đồng bảo hiểm cho xe ô tô M biển kiểm soát 76C-XXXX với Tổng Công ty Bảo hiểm X (sau đây viết tắt là Công ty X). Theo đó, Công ty T đã thanh toán đủ số tiền bảo hiểm cho Công ty X và được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe ô tô số 0082518/20 và Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô số 0082518/20, cùng ngày 20/01/2020 do Công ty X ban hành; Công ty T là bên thụ hưởng. Vì vậy, Công ty T đủ điều kiện để hưởng bảo hiểm theo hợp đồng đã được lý kết.

Ngày 04/12/2020, ông Trần Sơn N điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 76C-XXXX va chạm với xe ô tô biển kiểm soát 60A-XXXXX do ông Nguyễn Anh Vinh điều khiển, làm hư hỏng hai xe.

Ngay sau khi xảy ra tai nạn, Công ty T đã thực hiện nghĩa vụ thông báo cho Công ty X và Công an thành phố Q để phối hợp giải quyết. Sau đó, xe ô tô 76C-XXXX được đưa về cơ sở sửa xe của Công ty TNHH TM Dịch vụ S (Công ty S), còn xe ô tô 60A-XXXXX được đưa về cơ sở sửa xe Gara ô tô M. Ngày 12/12/2020, Công ty S báo giá sửa chữa xe ô tô 76C-XXXX là 140.377.347 đồng; Công ty X đã xác nhận và đề xuất sửa chữa. Ngày 16/12/2020, Gara M báo giá sửa chữa xe ô tô 60A-XXXXX là 16.065.000 đồng. Chủ xe là ông Nguyễn Đức Long đã yêu cầu Công ty T bồi thường số tiền nói trên, Công ty T đã báo cho Công ty X, được Công ty X xác nhận và đề xuất sửa chữa. Tuy nhiên, sau khi sửa chữa xong, Công ty T yêu cầu Công ty X thanh toán bảo hiểm cho 02 xe ô tô nói trên nhưng Công ty X có Thông báo bồi thường theo mức bồi

thường không phù hợp với mức độ thiệt hại, chế độ bồi thường do chính nhân viên của X xác định tại thời điểm xảy ra tai nạn. Cụ thể, ngày 26/3/2021, Công ty X ban hành Thông báo bồi thường đối với xe ô tô 76C-XXXX là 33.116.638 đồng; ngày 31/3/2021, Công ty X ban hành Thông báo bồi thường đối với xe ô tô 60A-XXXXX là 6.900.000 đồng. Không đồng ý với mức bồi thường vô căn cứ của phía Công ty X nên Công ty T đã nhiều lần khiếu nại nhưng không được giải quyết.

Ngoài ra, do Công ty X không đồng ý bồi thường nên Công ty T không thể lấy xe đang sửa để sử dụng được. Vì vậy, Công ty T phải thuê xe của Công ty TNHH Thiện Phúc để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với đơn giá 1.000.000 đồng/ngày. Thời gian thuê xe là 124 ngày bằng 124.000.000 đồng.

Vì vậy, Công ty T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty X phải thanh toán cho Công ty T số tiền bảo hiểm là: 279.942.347 đồng (*hai trăm bảy mươi chín triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng*); bao gồm: tiền sửa chữa xe 76C-122.95 là 139.877.347 đồng; tiền sửa chữa xe 60A-583.76 là 16.065.000 đồng và tiền chi phí thuê xe là 124.000.000 đồng.

Theo Văn bản ý kiến ngày 29 tháng 10 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Xác nhận Công ty X có ký kết hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới với nguyên đơn là Công ty T. Theo đó, Công ty X nhận bảo hiểm cho xe ô tô biển số kiểm soát 76C-122.95 thuộc sở hữu của nguyên đơn là Công ty T. Phạm vi bảo hiểm bao gồm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm tai nạn lái, phụ xe và người ngồi trên xe, bảo hiểm thiệt hại vật chất xe.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn đồng ý chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

- Đối với phần yêu cầu chi trả bảo hiểm xe ô tô 76C-XXXX thì Công ty X không chấp nhận toàn bộ phần yêu cầu này vì: Tổn thất đối với xe ô tô 76C-XXXX thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo quy định tại Hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết. Lý do: Xe ô tô 76C-XXXX có thông số lớp là 265/60R18 đây là thông số theo tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất và được thể hiện trong giấy chứng nhận đăng kiểm xe nhưng tại thời điểm xảy ra tai nạn thì xe ô tô 76C-XXXX sử dụng lớp là 285/60R18. Theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 9 Thông tư số 70/2015/TTBGTVT ngày 09/11/2015 quy định về giấy kiểm định và tem kiểm định hết hiệu lực khi “*Thông số kỹ thuật của xe không phù hợp với thông số kỹ thuật trên giấy chứng nhận kiểm định*”. Do đó, tại thời điểm xảy ra tai nạn thì kiểm định không còn hiệu lực nên thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo khoản 2 Điều 11 Quy tắc Bảo hiểm.

- Đối với yêu cầu 124.000.000 đồng tiền thuê xe thì Công ty X không chấp nhận vì không có căn cứ.

- Đối với thiệt hại của xe ô tô 60A-XXXXX thì đây là phần bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới được áp dụng theo Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ tài chính. Do đó, Công ty X chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường này với số tiền cụ thể là 6.900.000 đồng. Cụ

thể: tiền sửa chữa xe theo mức thiệt hại thực tế đã được anh Nguyễn Anh Vinh lái xe ô tô 60A-XXXXX xác nhận là 10.100.000 đồng và trừ đi chi phí khấu hao là 3.200.000 đồng.

**Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2022/KDTM-ST ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, quyết định:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu Tư Xây Lắp T;

- Buộc Tổng công ty bảo hiểm X phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu Tư Xây Lắp T số tiền 6.900.000 đồng (sáu triệu chín trăm nghìn đồng) tiền bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đối với phần thiệt hại là chi phí sửa chữa khắc phục hậu quả của xe ô tô biển số kiểm soát 60A-XXXXX.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu Tư Xây Lắp T, về việc yêu cầu Tổng công ty bảo hiểm X có trách nhiệm bồi thường và thanh toán tiền bảo hiểm với tổng số tiền là 273.042.347 đồng (hai trăm bảy mươi ba triệu không trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Tổng công ty bảo hiểm X phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu Tư Xây Lắp T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 13.652.117 đồng (mười ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn một trăm mười bảy đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.998.559 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007437 ngày 29/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu Tư Xây Lắp T còn phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 6.653.558 đồng (sáu triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn năm trăm năm mươi tám đồng).

Bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

**Ngày 07 tháng 11 năm 2022, Công ty TNHH MTV Đầu tư xây lắp T có đơn kháng cáo, nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Buộc Tổng công ty bảo hiểm X thanh toán số tiền 279.942.347 đồng và tiền lãi phát sinh*

theo mức lãi suất do pháp luật quy định, thời gian tính lãi từ ngày 14/02/2020 (ngày X từ chối bồi thường) đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đại diện của Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH MTV Đầu Tư Xây Lắp T, về việc yêu cầu Tổng công ty bảo hiểm X phải có trách nhiệm bồi thường và thanh toán tiền bảo hiểm với tổng số tiền là 279.942.347 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do pháp luật quy định, thời gian tính lãi từ ngày 14/02/2020 (ngày X từ chối bồi thường) đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án.

* Buộc Công ty TNHH MTV Đầu Tư Xây Lắp T phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa ông Nguyễn Cảnh C là một trong những người được người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Bảo hiểm X ủy quyền vắng mặt, nhưng theo nội dung ủy quyền tại Giấy ủy quyền số 224/UQ-XBH ngày 29/10/2021 "*Trường hợp một trong ba người được ủy quyền vắng mặt, ý kiến của người được ủy quyền có mặt là ý kiến của người được ủy quyền vắng mặt...*". Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Cảnh C.

[2] Xét kháng cáo của Công ty T:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo "*tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do pháp luật quy định, thời gian tính lãi từ ngày 14/02/2020 (ngày X từ chối bồi thường) đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án*" của Công ty T.

Công ty T khởi kiện Công ty X, tại đơn khởi kiện ngày 06/8/2021 (bút lục từ 44 đến 47), đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/8/2021 (bút lục 57 đến 60), Biên bản hòa giải ngày 09/9/2022 (bút lục 165) và toàn bộ quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, Công ty T không yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết nội dung "*tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do pháp luật quy định, thời gian tính lãi từ ngày 14/02/2020 (ngày X từ chối bồi thường) đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án*". Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự "*Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi*

đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó", để thụ lý và xét xử vụ án. Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2022/KDTM-ST ngày 28/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q không quyết định nội dung "tiền lãi phát sinh".

Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm "Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo...", nên nội dung kháng cáo "tiền lãi phát sinh", Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận, bởi nội dung này Công ty T không khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo "*Buộc Tổng công ty bảo hiểm X thanh toán số tiền 279.942.347 đồng*" của Công ty T. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của Công ty T lý giải, số tiền 279.942.347 đồng gồm các khoản: 16.050.000 đồng sửa xe ô tô Biển kiểm soát 60A-583.79; 139.877.347 đồng sửa xe ô tô Biển kiểm soát 76C-122.95; 124.000.000 đồng Công ty T phải trả tiền thuê xe.

[2.2.1] Xét kháng cáo của Công ty T, về số tiền 16.050.000 đồng, sửa xe ô tô Biển kiểm soát 60A-583.79.

Công ty T căn cứ vào Bảng báo giá sửa chữa ô tô của Ga ra ô tô M ngày 16/12/2020 là 16.065.000 đồng (bút lục 27), để yêu cầu Công ty bảo hiểm X phải trả cho Công ty T. Hội đồng xét xử thấy rằng, tài liệu Bảng báo giá sửa chữa ô tô của Ga ra ô tô M ngày 16/12/2020 do chính Công ty T nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm, có các nội dung: Chi phí sửa chữa hợp lý 10.100.000 đồng (đã VAT), đã qua sử dụng 12 năm, khấu hao vật tư thay mới 3.200.000 đồng; X thanh toán 6.900.000 đồng (đã VAT).

Tại Biên bản ngày 14/5/2021 ghi nhận số tiền sửa xe ô tô Biển kiểm soát 60A-583.79 bị xe ô tô Biển kiểm soát 76C-122XX va chạm gây hư hỏng, ông Nguyễn Anh Vinh chủ xe 60A-XXX xác nhận: Chi phí sửa xe 10.100.000 đồng; số tiền còn lại 11.100.000 đồng là ông Vinh làm thêm các bộ phận khác không liên quan tới vụ tai nạn này (bút lục 182). Như vậy, kết luận số tiền sửa xe Biển kiểm soát 60A-XXXXX là 10.100.000 đồng, không phải 16.050.000 đồng như Công ty T yêu cầu Công ty X phải thanh toán.

Căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 15 của Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, Công ty X đồng ý chi trả cho Công ty T 6.900.000 đồng, chi phí sửa chữa xe ô tô Biển kiểm soát 60A -583.79, do bị xe ô tô Biển kiểm soát 76C-XXXX va chạm, gây hư hỏng, là đúng quy định pháp luật và đúng thực tế.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2022/KDTM-ST ngày 28/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, đã "*Buộc Tổng Công ty bảo hiểm X phải trả cho Công ty TNHH MTV Đầu tư xây lắp T số tiền 6.900.000 đồng, tiền bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đối với phần thiệt hại là chi phí sửa chữa khắc phục hậu quả của xe ô tô biển số kiểm soát 60A-58XXXX*" là đúng quy định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty T về số tiền 16.050.000 đồng, sửa xe ô tô Biển kiểm soát 60A-583XX.

[2.2.2] Xét nội dung kháng cáo số tiền 139.877.347 đồng sửa xe Biên kiểm soát số 76C-122.95 của Công ty T.

Qua tài liệu Công ty T nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, có Hợp đồng bảo hiểm xe ô tô số C117/AUTO/21/01/20 ngày 20 tháng 01 năm 2020 (bút lục từ 37 đến 41 – sau đây gọi tắt là Hợp đồng bảo hiểm) được ký giữa Công ty T và Công ty X, tại khoản 1.1 có nội dung " tài liệu đính kèm HĐBH bao gồm:... Quy tắc bảo hiểm"; khoản 1.3 Điều 1 có nội dung "*Quy tắc bảo hiểm Xe ô tô được ban hành theo Quyết định số 1855/QĐ-XBH ngày 30/12/2019 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm X áp dụng cho các loại hình bảo hiểm tự nguyện Bên A tham gia nêu tại Điều 3 của HĐBH và được đính kèm theo HĐBH*", và tại khoản 2 mục: Lưu ý đối với chủ xe, lái xe trong Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô số 0082518 (bút lục 35) mà Công ty X giao cho Công ty T có nội dung "*Chủ xe/Bên mua bảo hiểm đã chấp thuận nộp phí bảo hiểm được hiểu là đã đọc, hiểu rõ quy tắc và đồng ý với thông tin ghi trên GCNBH mà Bảo hiểm X cấp cho Chủ xe*". Như vậy, Công ty T khi ký Hợp đồng bảo hiểm để bảo hiểm cho xe ô tô số biên kiểm soát 76C- XXXX, đã đọc Quy tắc bảo hiểm của Công ty X, do đó nhận biết được các điều khoản loại trừ trách nhiệm được quy định tại Điều 11 của Quy tắc bảo hiểm, Điều 11 có quy định "*Bảo hiểm X không bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau: khoản 1, Khoản 2. Tại thời điểm xảy ra tổn thất, xe đang hoạt động nhưng không có Giấy chứng nhận kiểm định An toàn kỹ thuật và Bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (Đăng kiểm) hợp lệ hoặc đăng kiểm không còn hiệu lực, không phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành.*

Dẫn chiếu lại khoản 1. 6 của Hợp đồng bảo hiểm có nội dung "*Các thông tin về Xe tham gia bảo hiểm được kê khai đầy đủ, trung thực và chính xác trong Giấy yêu cầu bảo hiểm và/ hoặc trong bản hợp đồng này là căn cứ để bên B giải quyết bồi thường đúng quyền lợi cho bên A khi xảy ra tổn thất*".

Căn cứ vào Biên bản giám định thiệt hại xe cơ giới ngày 12/12/2020 (bút lục 145), ông Trần Sơn N - lái xe ô tô biên số kiểm soát 76C- XXXX ký xác nhận thì: Thông số lớp - Lớp thực tế xe đang sử dụng là 285/60R18, trong khi thông số lớp tiêu chuẩn của nhà sản xuất là 265/60R18 (theo Văn bản số 053/PDV-7S của Công ty TNHH Thương mại, dịch vụ S (Bút lục 130), Giấy chứng nhận đăng kiểm xe 76C-122.95 (Bút lục 14). Như vậy, việc thông số lớp của xe ô tô biên số kiểm soát 76C-122.95 vào ngày 04/12/2020 sử dụng không đúng quy định về thông số lớp tiêu chuẩn của Nhà sản xuất và thông số lớp được ghi trong Giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô biên kiểm soát 76C- XXXX, nên vi phạm khoản 2 Điều 55 Luật giao thông đường bộ "*Chủ phương tiện không được tự thay đổi kết cấu, tổng thành, hệ thống của xe không đúng với thiết kế của nhà chế tạo...*". Theo quy định điểm đ khoản 6 Điều 9 Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 Bộ giao thông vận tải: Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định hết hiệu lực khi "*Thông số kỹ thuật thực tế của xe không phù hợp với thông số kỹ thuật trên Giấy chứng nhận kiểm định*". Vì vậy, vào ngày xảy ra tai nạn 04/12/2020 Giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô biên số kiểm soát 76C- XXXX đương nhiên hết hiệu lực.

Căn cứ Điều 11 Quy tắc Bảo hiểm của Công ty X, thì Công ty có quyền loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty T. Việc Công ty X loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với Công ty T hoàn toàn đúng với quy định tại Điều 16 Luật kinh doanh Bảo hiểm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T đối với số tiền 139.877.347 đồng là đúng quy định pháp luật và đúng với thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm xe ô tô số C117/AUTO/21/01/20 ngày 20 tháng 01 năm 2020.

[2.2.3] Xét kháng cáo về số tiền thuê xe 124.000.000 đồng của Công ty T.

Hợp đồng bảo hiểm xe ô tô số C117/AUTO/21/01/20 ngày 20 tháng 01 năm 2020 được ký giữa Công ty T và Công ty X không có điều khoản thỏa thuận về trường hợp Công ty X chậm chi trả tiền bảo hiểm theo đúng quy định pháp luật thì Công ty T được thuê xe ngoài và tiền thuê xe Công ty X phải trả lại cho Công ty T.

Mặt khác, Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "*Người nào có hành vi xâm phạm... tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường*". Công ty X không xâm phạm đến tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T, nên việc Công ty T yêu cầu Công ty X phải trả số tiền thuê xe 124.000.000 đồng là không phù hợp với quy định pháp luật.

Ngoài ra, khoản 4 Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "*Khi bên thiệt hại có lỗi trong việc gây thiệt hại thì không được bồi thường phần thiệt hại do lỗi của mình gây ra*". Công ty T xác nhận xe ô tô biển kiểm soát 76C-122.95 bị hư hỏng là do ông Trần Sơn N lái xe đã không giữ khoảng cách an toàn giữa hai xe theo quy định, nên tự gây tai nạn giao thông làm hư hỏng xe. Như vậy, lỗi gây hư hỏng xe ô tô biển kiểm soát 76C-XXXX là do chính lái xe của Công ty T gây ra, không phải do Công ty X gây ra, nên theo quy định pháp luật, Công ty X không phải trả tiền thuê xe cho Công ty T.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Công ty T về việc Công ty X phải trả số tiền thuê xe 124.000.000 đồng là đúng pháp luật.

[3] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty T.

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2022/KDTM-ST ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, Công ty T phải chịu 2.000.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004257 ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 584, 585 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 8, 16, 17, 18 và 19 Luật kinh doanh bảo hiểm (Theo văn bản hợp nhất số 06/VBHN-VPQH ngày 25/6/2019); khoản 2 Điều 55 Luật giao thông đường bộ; điểm đ khoản 6 Điều 9 Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT, ngày 09/11/2015 của Bộ giao thông vận tải; Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính; Điều 13, Điều 14, Điều 15 của Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 Bộ Tài chính; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu Tư Xây Lắp T.

- Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2022/KDTM-ST ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu Tư Xây Lắp T;

Buộc Tổng công ty bảo hiểm X phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu Tư Xây Lắp T số tiền 6.900.000 đồng (*sáu triệu chín trăm nghìn đồng*) tiền bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đối với phần thiệt hại là chi phí sửa chữa khắc phục hậu quả của xe ô tô biển số kiểm soát 60A- XXXX.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu Tư Xây Lắp T, về việc yêu cầu Tổng công ty bảo hiểm X có trách nhiệm bồi thường và thanh toán tiền bảo hiểm với tổng số tiền là 273.042.347 đồng (*hai trăm bảy mươi ba triệu không trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về Án phí kinh doanh thương mại:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Tổng công ty bảo hiểm X phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu Tư Xây Lắp T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 13.652.117 đồng (*Mười ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn một trăm mười bảy đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.998.559 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007437 ngày 29/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu Tư Xây Lắp T còn phải nộp tiếp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 6.653.558 đồng (*Sáu triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn năm trăm năm mươi tám đồng*).

2.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty T phải chịu 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004257 ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thành phố Q;
- Chi Cục THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương

